

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11540/SLĐT BXH-VLATLĐ
V/v báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ
việc làm 06 tháng đầu năm 2023 và
thực hiện kê khai giá hằng tháng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 5 năm 2023

Kính gửi:

- Trung tâm dịch vụ việc làm Thành phố;
- Trung tâm dịch vụ việc làm Thanh niên;
- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp có hoạt động dịch vụ việc làm;
- Doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

Thực hiện Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết khoản 3 Điều 37 và Điều 39 của Luật Việc làm về trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm (gọi tắt Nghị định số 23/2021/NĐ-CP); Quyết định 3112/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 215/TB-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Để tổng hợp tình hình hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh 06 tháng đầu năm 2023 báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ lao động - Thương binh và Xã hội; Tổng hợp tình hình tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn Thành phố gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo tình hình hoạt động dịch vụ việc làm 06 tháng đầu năm 2023

- Các Trung tâm dịch vụ việc làm : Báo cáo theo **Mẫu số 05 Phụ lục I** (ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP).

- Các doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm: **Báo cáo theo Mẫu số 08 Phụ lục II** (ban hành kèm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP).

- Thời gian báo cáo: **Trước ngày 20/6/2023.**

2. Văn bản kê khai giá; Bảng kê khai mức giá theo **biểu mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số 4** Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính;

- Thời gian báo cáo: *Trước ngày 20 hằng tháng.*

3. Nơi nhận báo cáo: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - số 159 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 (thông qua Phòng Việc làm - An toàn lao động, email: vlatld.sltdtbxh@tphcm.gov.vn).

Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn vướng mắc vui lòng liên hệ Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy – Chuyên viên - Điện thoại 0909382702 để được trao đổi, hướng dẫn.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các đơn vị triển khai thực hiện theo thời gian quy định. / *vl*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VP, P.VLATLD (HT).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lâm

Số: **215** /TB-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **13** tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO
**Về danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 2982/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành bổ sung danh mục hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 764/TB-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2019, Thông báo số 1168/TB-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2019, Thông báo số 682/TB-BTC ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Thông báo số 681/TB-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Bộ Tài chính về danh sách doanh nghiệp thực hiện đăng ký giá, kê khai giá tại Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá),

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 8620/TTr-STC ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc ban hành danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Ủy ban nhân dân Thành phố thông báo như sau:

1. Danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (đính kèm Phụ lục danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá tại Thành phố Hồ Chí Minh).

Mọi thay đổi về thông tin của tổ chức, cá nhân theo Thông báo này, như thay đổi tên, loại hình kinh doanh hoặc địa chỉ, ... đề nghị tổ chức, cá nhân gửi về Sở quản lý chuyên ngành để Sở quản lý chuyên ngành tổng hợp, cập nhật theo quy định; đồng thời tổ chức, cá nhân tiếp tục thực hiện kê khai giá theo quy định.

Sở Tài chính, Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Công Thương, Sở Y tế và Sở Du lịch đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có tên tại phụ lục đính kèm Thông báo này thực hiện kê khai giá theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (theo Quyết định số 3112/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2017 và Quyết định số 2982/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố) không có tên trong danh sách kèm theo Thông báo này thì thực hiện kê khai giá tại Ủy ban nhân dân cấp huyện theo nơi đăng ký trụ sở chính.

3. Căn cứ danh sách tổ chức, cá nhân ban hành kèm theo Thông báo này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện kê khai giá trên địa bàn theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

4. Thông báo này thay thế Thông báo số 152/TB-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về danh sách tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Sở ngành liên quan;
- Sở Tư pháp;
- Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân các quận, huyện;
- VPUB: CVP, PCVP/KT;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Tuyet). 9

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Thị Thắng

CƠ QUAN, TỔ CHỨC
TRỰC TIẾP QUẢN LÝ
TRUNG TÂM DỊCH VỤ
VIỆC LÀM ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM
(Từ ngày 11/12/2022 đến 31/5/2023)

Kính gửi:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Trụ sở, chi nhánh, văn phòng của Trung tâm (nêu rõ địa chỉ của trụ sở chính, từng chi nhánh, văn phòng của Trung tâm)

2. Cơ cấu tổ chức của Trung tâm

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhất (Người)		
			Đại học trở lên	Cao đẳng	Khác
1	2	3	4	5	6
1	Lãnh đạo Trung tâm				
2	Tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động				
3	Thu thập, phân tích và cung ứng thông tin thị trường lao động				
4	Bảo hiểm thất nghiệp (nếu có)				
5	Khác				

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Dự kiến năm 06 tháng đầu năm 2023
1	Tổ chức phiên giao dịch việc làm					
1.1	Số phiên đã thực hiện	Phiên				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Dự kiến năm 06 tháng đầu năm 2023
1.2	Số doanh nghiệp tham gia phiên giao dịch việc làm	Doanh nghiệp				
1.3	Số người lao động được tư vấn tại phiên giao dịch việc làm	Người				
1.4	Số người lao động được phỏng vấn tại phiên giao dịch việc làm	Người				
1.5	Số người lao động nhận được việc làm sau khi phỏng vấn tại phiên giao dịch việc làm	Người				
2	Hoạt động tư vấn					
2.1	Số người lao động được tư vấn	Người				
a	Số người lao động được tư vấn việc làm	Người				
b	Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
2.2	Số người sử dụng lao động được tư vấn	Người				
3	Hoạt động giới thiệu việc làm, cung ứng và tuyển lao động					
3.1	Số người đăng ký tìm việc làm	Người				
a	Số người đăng ký tìm việc làm có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
b	Số người đăng ký tìm việc làm được giới thiệu việc làm	Người				
-	Trong đó: Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
c	Số người được tuyển dụng do Trung tâm giới thiệu	Người				
-	Trong đó: Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
3.2	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị cung ứng/tuyển lao động	Người				
a	Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
b	Số lao động đã cung ứng/tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	Người				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch sáu tháng	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Dự kiến năm 06 tháng đầu năm 2023
-	Trong đó: Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
c	Số lao động cung ứng/tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng	Người				
-	Trong đó: Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người				
4	Tổ chức đào tạo, tập huấn (nếu có)					
4.1	Số người được Trung tâm đào tạo, nâng cao kỹ năng	Người				
a	Số người tham gia các khóa đào tạo kỹ năng (kỹ năng xin việc, phỏng vấn, làm việc nhóm,...)	Người				
b	Số người tham gia các khóa đào tạo nghề nghiệp	Người				
4.2	Số người được Trung tâm đào tạo tìm được việc làm qua Trung tâm	Người				
5	Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp (nếu có)¹					
5.1	Số người lao động đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng bảo hiểm thất nghiệp	Người				
5.2	Số người có quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp	Người				
5.3	Số người được tư vấn, giới thiệu việc làm	Người				
-	Trong đó, số người được giới thiệu việc làm	Người				
5.4	Số người được hỗ trợ đào tạo nghề	Người				

6. Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động

Ghi cụ thể kết quả thông tin thu thập được trong kỳ (số lượng người tìm việc, số lượng việc làm trống, liệt kê các sản phẩm phân tích dự báo đã thực hiện trong kỳ,...)

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có)

III. ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt được.

2. Những hạn chế và nguyên nhân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại)

....., ngày...tháng...năm...

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Báo cáo sáu tháng đầu năm Trung tâm Dịch vụ việc làm không báo cáo mục I.

¹. Chi trung tâm dịch vụ việc làm có nhiệm vụ quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này thực hiện báo cáo nội dung này

TÊN DOANH NGHIỆP/
CHI NHÁNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VIỆC LÀM

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội⁽¹⁾

...(2)... Báo cáo kết quả hoạt động dịch vụ việc làm từ ngày 11/12/2022 đến 31/5/2023 như sau:

Loại hình chủ sở hữu:⁽³⁾

- Doanh nghiệp nhà nước
- Doanh nghiệp tư nhân
- Doanh nghiệp FDI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Dự kiến 06 tháng đầu năm 2023
1	Số người lao động được tư vấn	Người			
a	Số người được tư vấn về việc làm	Người			
b	Số người được tư vấn có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người			
2	Số người sử dụng lao động được tư vấn	Người			
3	Số người đăng ký tìm việc làm	Người			
a	Số người đăng ký tìm việc làm có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người			
b	Số người được giới thiệu việc làm	Người			
-	Trong đó: Số người được giới thiệu việc làm có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người			
c	Số người được tuyển dụng do doanh nghiệp/chi nhánh giới thiệu	Người			
-	Trong đó: Số người được tuyển dụng có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người			

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện trong kỳ trước	Thực hiện trong kỳ báo cáo	Dự kiến 06 tháng đầu năm 2023
4	Số lao động do người sử dụng lao động đề nghị cung ứng/tuyển lao động	Người			
a	Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người			
b	Số lao động đã cung ứng/tuyển theo đề nghị của người sử dụng lao động	Người			
-	Trong đó: Số người có trình độ từ sơ cấp nghề trở lên	Người			
c	Số lao động cung ứng/tuyển được người sử dụng lao động tuyển dụng, trong đó:	Người			
-	Số người có trình độ chuyên môn kỹ thuật (từ sơ cấp nghề trở lên)	Người			
-	Số người được ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn	Người			

Người lập biểu

(Ký và ghi rõ họ tên, số điện thoại)

ĐẠI DIỆN CỦA DOANH NGHIỆP/CHI NHÁNH⁽⁴⁾

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.
- (2) Tên doanh nghiệp/chi nhánh hoạt động dịch vụ việc làm.
- (3) Đánh dấu (X) vào ô tương ứng với loại hình chủ sở hữu của doanh nghiệp/chi nhánh thực hiện báo cáo.
- (4) Chức danh của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/chi nhánh.